

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG CHU VĂN AN**

Số: 670/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phường Chu Văn An, ngày 14 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHU VĂN AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định Chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Chu Văn An về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công phường Chu Văn An năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Chu Văn An về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách phường và phân bổ ngân sách phường năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND phường Chu Văn An về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 13/TTr-KTHTĐT ngày 14 tháng 8 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách phường Chu Văn An năm 2025 (theo các biểu đính kèm).



Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực III, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

de

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thường







UBND PHƯỜNG CHU VĂN AN

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	300.104.000	TỔNG SỐ CHI	300.104.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	378.000	I. Chi đầu tư phát triển	10.557.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	13.706.000	II. Chi thường xuyên	281.089.000
III. Thu bổ sung	286.020.000	III. Dự phòng	8.458.000
- Bổ sung cân đối	286.020.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NS PHƯỜNG
	TỔNG THU	347.443.000	300.104.000
I	Các khoản thu 100%	378.000	378.000
	Phí, lệ phí	106.000	106.000
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	130.000	130.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	142.000	142.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	61.045.000	13.706.000
1	Các khoản thu phân chia	61.045.000	13.706.000
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	Lệ phí trước bạ nhà, đất		
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.214.000	1.864.000
	Thuế thu nhập cá nhân	4.284.000	1.285.000
	Thu tiền sử dụng đất	50.547.000	10.557.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	286.020.000	286.020.000
	Thu bổ sung cân đối	286.020.000	286.020.000
	Thu bổ sung có mục tiêu		



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
	TỔNG CHI	300.104.000	10.557.000	289.547.000
	Trong đó			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	129.674.000		129.674.000
2	Chi khoa học và công nghệ			
3	Chi y tế, dân số và gia đình	388.000		388.000
4	Chi văn hóa thông tin	3.183.000		3.183.000
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.576.000		1.576.000
6	Chi thể dục thể thao	946.000		946.000
7	Chi bảo vệ môi trường	20.630.000		20.630.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	12.952.000		12.952.000
9	Chi an ninh - quốc phòng	5.529.000		5.529.000
10	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể, HĐND	67.162.000		67.162.000
11	Chi bảo đảm xã hội	38.892.000		38.892.000
12	Chi khác	157.000		157.000
13	Dự phòng ngân sách	8.458.000		8.458.000





UBND PHƯỜNG CHU VĂN AN

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ									
1. Công trình chuyển tiếp		400.522.710		346.998.836	306.873.457	59.954.205	59.954.205	59.954.205	
-Cải tạo, sửa chữa hội trường phường Sao Đỏ	2024-2024	4.830.000		3.326.001	-	3.326.001	3.326.001	3.326.001	
-Sửa chữa cải tạo trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh. Hạng mục nhà làm việc 3 tầng	2019-2019	3.518.774		3.344.155	3.186.572	157.583	157.583	157.583	
-Cải tạo nhà hội trường, sân vườn và các hạng mục phụ trợ Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Chí Minh	2023-2024	14.857.322		13.822.849	13.420.825	402.024	402.024	402.024	
-Hạ tầng kỹ thuật KDC An Hưng, phường Chí Minh, thị xã Chí Linh	2019-2019	6.976.968		5.953.572	5.814.685	138.887	138.887	138.887	
-Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Đảng Ủy -HĐND - UBND phường Chí Minh	2021-2022	10.350.999		10.171.152	9.674.702	496.450	496.450	496.450	
-Xây dựng hạ tầng kỹ thuật KDC trung tâm phường Chí Minh, thị xã Chí Linh. Hạng mục: Nền, mặt đường và vỉa hè	2019-2019	14.042.948		13.076.933	12.705.550	371.383	371.383	371.383	
-Xây dựng hạ tầng kỹ thuật KDC Trung tâm phường Chí Minh, thị xã Chí Linh. Hạng mục: lát vỉa hè, cây xanh, thoát nước, cấp điện, cấp nước	2019-2019	14.651.618		14.256.622	13.826.142	430.480	430.480	430.480	
-Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trung tâm Phường Chí Minh, thị xã Chí Linh. Hạng mục Giải phóng mặt bằng, san nền	2019-2019	14.699.920		12.153.638	11.954.668	198.970	198.970	198.970	
-Hội trường phường Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2017-2018	5.982.321		5.749.671	5.491.058	258.613	258.613	258.613	
-Hạ tầng kỹ thuật KDC Trại Thượng, phường Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2018-2019	14.996.319		14.372.478	14.001.528	370.950	370.950	370.950	
-Cải tạo, sửa chữa tường rào, cổng và vỉa hè trường tiểu học Chu Văn An (điểm Chu Văn An)	2024-2024	1.213.943		900.000	-	900.000	900.000	900.000	
-Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Sao Đỏ	2023-2024	9.571.136		8.928.255	7.406.999	1.521.255	1.521.255	1.521.255	
-Cải tạo, nâng cấp sân trường THCS Sao Đỏ	2019-2019	1.217.355		1.150.441	963.339	187.102	187.102	187.102	
-Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ cũ thành 2 lớp học trường THCS Sao Đỏ	2021-2021	209.961		199.000	-	199.000	199.000	199.000	
-Cải tạo, nâng cấp mái, nền nhà, sơn tường ngoài nhà lớp học dãy nhà A,B và Sân, Công trường Mầm non Sao Đỏ (Khu 2)	2024-2024	2.500.000		2.471.037	1.744.312	726.725	726.725	726.725	
-Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng, sửa chữa phòng học và nhà hiệu bộ trường mầm non Sao Đỏ	2021-2011	7.203.902		6.843.969	5.584.528	1.259.440	1.259.440	1.259.440	
-Xây dựng dãy nhà 3 tầng 12 phòng trường mầm non Sao Đỏ (Khu 2)	2023-2023	12.000.000		11.788.073	10.388.073	1.400.000	1.400.000	1.400.000	
-Cải tạo nhà hiệu bộ 02 tầng, xây dựng sân + vườn và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Văn An	2021-2023	5.897.286		4.821.265	3.389.932	1.431.333	1.431.333	1.431.333	
-Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ trường tiểu học Văn An	2014-2014	151.535		137.374	136.023	1.351	1.351	1.351	
-Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường Tiểu học Văn An	2020-2020	359.169		325.519	323.001	2.518	2.518	2.518	
-Nhà ăn bán trú và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Văn An, thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương	2018-2019	1.801.416		1.594.679	1.400.000	194.679	194.679	194.679	
-Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường tiểu học Văn An, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương	2018-2019	3.405.174		3.241.253	2.800.000	441.253	441.253	441.253	
-Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường THCS Văn An, phường Văn An, thành phố Chí Linh	2020-2022	9.499.024		8.496.561	7.647.468	849.093	849.093	849.093	
-Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Văn An, TX Chí Linh, Tỉnh Hải Dương	2017-2018	5.426.070		4.983.367	4.683.367	300.000	300.000	300.000	
-Trường Mầm non phường Chí Minh, thị xã Chí Linh. Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học	2015-2016	1.778.175		1.619.829	1.500.000	119.829	119.829	119.829	
-Nhà đa năng và các công trình phụ trợ Trường THCS Chí Minh	2022-2023	8.500.000		8.308.918	8.035.656	273.262	273.262	273.262	





Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn Nguồn cân đối ngân sách Nguồn đóng góp
-Xây dựng nhà bảo vệ và cổng tường rào trường THCS Chí Minh.	2021-2023	935.720		892.373	735.095	157.278	157.278	157.278
-Cải tạo, nâng cấp trạm y tế phường Văn An	2016-2016	327.364		311.200	306.965	4.235	4.235	4.235
-Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Hữu Lộc, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa	2019-2021	1.851.000		1.682.404	1.096.730	585.674	585.674	585.674
-Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Kinh Trung, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa	2019-2021	1.861.000		1.682.404	1.133.211	549.193	549.193	549.193
-Nhà văn hoá khu dân cư Khang Thọ và sân vận động trung tâm phường Chí Minh; Hạng mục: Nhà văn hoá, sân vận động và các hạng mục phụ trợ.	2019-2019	8.418.100		7.661.951	7.298.648	363.303	363.303	363.303
-Nhà văn hóa KDC Hưng Đạo, phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh	2019-2019	2.600.099		2.345.480	2.188.064	157.416	157.416	157.416
-Nhà Văn Hóa KDC Hùng Vương, phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh	2019-2019	2.851.314		2.533.101	2.241.374	291.727	291.727	291.727
-Trụ sở công an phường Chí Minh	2018-2018	4.342.406		3.739.331	3.065.522	673.809	673.809	673.809
-Xây dựng phụ trợ trụ sở làm việc công an phường Chí Minh, thành phố Chí Linh	2020-2020	1.807.447		1.672.241	1.588.178	84.063	84.063	84.063
-Trụ sở công an phường Văn An	2021-2022	4.770.427		4.834.163	4.342.665	491.498	491.498	491.498
-Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ phường Văn An. TP Chí Linh, Tỉnh Hải Dương	2021-2022	9.558.607		9.314.567	8.602.487	712.080	712.080	712.080
-Cải tạo, sửa chữa khẩn cấp nghĩa trang Liệt sỹ phường Sao Đỏ do ảnh hưởng cơn bão số 02 (2022)	2023-2023	1.198.257		1.136.000	-	1.136.000	1.136.000	1.136.000
-Cải tạo nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ phường Chí Minh, thành phố Chí Linh	2022-2023	10.876.908		10.214.471	9.891.831	322.640	322.640	322.640
-Cải tạo, sửa chữa mở rộng ô chôn lấp rác KDC Kỳ Đặc, phường Văn An, TP Chí Linh	2022-2022	398.830		378.000	-	378.000	378.000	378.000
-Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ khu Nèo đi khu Khang Thọ phường Chí Minh, thành phố Chí Linh	2021-2021	8.362.731		8.264.053	7.990.459	273.594	273.594	273.594
-Xây dựng tuyến đường từ cầu Mầu Sầu đi KĐT Constrexim phường Chí Minh, thị xã Chí Linh	2018-2019	9.089.381		8.646.091	8.417.397	228.694	228.694	228.694
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu dân cư Mật Sơn, phường Chí Minh, thành phố Chí Linh (Đoạn từ QL18 đến chùa Mật Sơn) - Hạng mục: Nền mặt đường, vỉa hè, cây xanh, thoát nước và chiếu sáng	2020-2020	8.946.022		8.584.859	8.362.788	222.071	222.071	222.071
-Mở rộng đường trục chính phường Chí Minh, thành phố Chí Linh (Đoạn từ đường tránh QL37 đến đường Trần Quốc Chấn)	2020-2020	1.199.792		1.188.822	1.142.761	46.061	46.061	46.061
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Khang Thọ, phường Chí Minh (tuyến đường từ nhà ông Khanh kết nối với đường giao thông KDC Thanh Trung đi KDC Nhân Hưng)	2024-2024	1.081.371		1.018.327	1.000.000	18.327	18.327	18.327
-Cải tạo, nâng cấp phố Nguyễn Chí Thanh và phố 30/4, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh	2021-2021	11.898.585		10.685.160	10.553.258	131.902	131.902	131.902
-Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Trần Bình Trọng. Hạng mục: Cải tạo vỉa hè (lát gạch vỉa hè, thay bó vỉa và cải tạo hệ thống thoát nước dọc tuyến)	2019-2019	1.016.499		938.671	520.658	418.013	418.013	418.013
-Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Văn Trỗi phường Sao Đỏ - Thị xã Chí Linh	2019-2019	3.379.721		3.026.293	2.447.785	578.508	578.508	578.508
-Đường giao thông cầu T4 (khu dân cư Trại mới) đi QL18, phường Văn An, TP Chí Linh	2019-2020	6.048.057		5.832.660	4.600.000	1.232.660	1.232.660	1.232.660
-Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường KDC Miếu Sơn đi đường 184, phường Thái Học, thành phố Chí Linh	2024-2024	13.871.865		13.279.000	6.700.000	6.579.000	6.579.000	6.579.000
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Khanh đến nhà ông Thành	2024-2024	810.690		616.381	584.381	32.000	32.000	32.000
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà văn hóa Miếu Sơn đến nhà ông Cừ	2024-2024	568.444		431.840	387.840	44.000	44.000	44.000
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Tỉnh đến nhà bà Huống	2024-2024	535.614		390.427	365.427	25.000	25.000	25.000
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Đạo đến nhà ông Cường	2024-2024	412.049		317.173	281.173	36.000	36.000	36.000

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Ninh Cháp 6, phường Thái Học. Tuyến đường từ đầu đường tránh đến nhà ông Tài	2024-2024	996.868		791.157	701.157	90.000	90.000	90.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Ninh Cháp 6, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Tuyên đến công Mèo	2024-2024	929.304		694.427	634.494	59.933	59.933	59.933	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Ninh Cháp 5, phường Thái Học. Tuyến đường từ QL37 đến nhà văn hóa	2024-2024	799.023		615.638	545.638	70.000	70.000	70.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Ninh Cháp 5, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Cường đến nhà ông Kiên	2024-2024	366.799		278.304	250.304	28.000	28.000	28.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Ninh Cháp 7, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Tùng đến nhà ông Bách	2024-2024	260.357		191.621	177.621	14.000	14.000	14.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Lạc Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ phố Thiên đến nhà ông Cường	2024-2024	792.092		610.379	540.379	70.000	70.000	70.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Lạc Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Hôi đến đường Lê Đại Hành	2024-2024	544.656		419.596	371.596	48.000	48.000	48.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Lạc Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ đường Lê Đại Hành đến nhà ông Phương	2024-2024	564.645		435.195	385.195	50.000	50.000	50.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Ninh Cháp 6, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Hùng đến nhà ông Sào, ông Khang	2024-2024	637.704		637.704	565.704	72.000	72.000	72.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Cảnh đến trạm điện	2024-2024	488.472		350.484	333.484	17.000	17.000	17.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Tram đến giáp đường tránh	2024-2024	590.545		454.737	425.737	29.000	29.000	29.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Điện đến nhà ông Từ	2024-2024	749.254		567.968	539.968	28.000	28.000	28.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Đại đến nhà bà Lưu	2024-2024	977.248		751.281	704.281	47.000	47.000	47.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà bà Mùn đến nhà ông Hải	2024-2024	638.032		478.636	455.636	23.000	23.000	23.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Hải đến nhà ông Đề	2024-2024	551.869		413.458	393.458	20.000	20.000	20.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ đường tránh đến ao Vọng Bắp	2024-2024	912.194		699.407	656.407	43.000	43.000	43.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Doanh đến nhà ông Thịnh	2024-2024	810.031		623.797	583.797	40.000	40.000	40.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Thịnh đến nhà ông Phúc	2024-2024	483.843		365.107	332.107	33.000	33.000	33.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ đường tránh đến nhà ông Thịnh	2024-2024	979.037		754.560	705.560	49.000	49.000	49.000	
-Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Miếu Sơn, phường Thái Học. Tuyến đường từ nhà ông Thịnh đến nhà văn hóa Miếu Sơn	2024-2024	792.499		599.226	571.226	28.000	28.000	28.000	
-Chính trang đô thị các KDC ven quốc lộ 18 đoạn từ Km 29+750 - Km 31+ 980 qua đại phận phường Văn An: Hạng mục chặt cây và loại bỏ gốc cây	2017-2018	216.639		213.360	185.434	27.926	27.926	27.926	
-Chính trang đô thị các KDC ven quốc lộ 18 đoạn từ Km 29+750 - Km 31+ 980 qua đại phận phường Văn An, TX Chí Linh. Hạng mục : Bó lát vỉa hè	2017-2018	3.045.896		2.392.847	1.730.000	662.847	662.847	662.847	
-Chính trang đô thị các KDC ven quốc lộ 18 (Đoạn Trại Sen và Hữu Lộc) phường Văn An, thị xã Chí Linh	2018-2019	2.064.831		1.803.350	1.346.713	456.637	456.637	456.637	
-Chính trang đô thị các khu dân cư ven đường quốc lộ 18. Đoạn: Km33+900 - Km34+497,80 qua địa phận phường Chí Minh. Hạng mục: Bó vỉa và lát vỉa hè	2018-2018	1.025.301		944.827	466.800	478.027	478.027	478.027	

VĂN AN
CHÍ LINH

[illegible]